

*Bài tập:
Sắp xếp câu(thêm dấu câu):

(1) 谁 是 那
Shéi shì nà

(2) 是 谁 你们
Shì shéi nǐmen

(3) 谁 啊 关心
Shéi a guānxīn

(4) 书 这 的 是 谁
Shū zhè de shì shéi